

TÍNH THỜI VỤ DU LỊCH VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG: TRƯỜNG HỢP KHU VỰC PHÍA BẮC TỈNH QUẢNG TRỊ

• TRẦN TỰ LỰC¹ - HÀ MINH TUÂN² - HỒ QUANG² - TRẦN XUÂN QUANG³

¹Trường Đại học Quảng Bình

²Sở Văn Hoá - Thể Thao và Du lịch Quảng Trị

³Đảng uỷ Xã Nam Ba Đồng, tỉnh Quảng Trị

TÓM TẮT:

Bài báo phân tích tính thời vụ và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp với dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2017-2024 và 800 phiếu khảo sát (400 doanh nghiệp, 400 khách du lịch). Kết quả cho thấy, tính thời vụ du lịch thể hiện rõ, với lượng khách tập trung vào mùa hè và giảm mạnh vào mùa mưa bão. Mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} = 0.000$), với $R^2 = 0,732$. Các yếu tố ảnh hưởng mạnh gồm khí hậu ($\text{Beta} = 0,528$), tài nguyên du lịch ($0,461$) và tổ chức kỹ thuật ($0,374$). Từ kết quả này, nghiên cứu đề xuất các giải pháp giảm tính thời vụ theo hướng phát triển sản phẩm du lịch quanh năm, điều tiết cầu theo mùa và nâng cao năng lực tổ chức điểm đến.

Từ khóa: tính thời vụ du lịch, phát triển du lịch bền vững, quản trị điểm đến, điều tiết cầu theo mùa, đa dạng hóa sản phẩm.

1. Đặt vấn đề

Du lịch ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị (tỉnh Quảng Bình trước đây). Những năm gần đây, ngành Du lịch đã có bước phát triển đáng kể về quy mô khách, doanh thu và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này chủ yếu dựa vào sự tăng lên số lượng khách, trong khi hiệu quả khai thác và giá trị gia tăng trên mỗi khách chưa thực sự bền vững.

Một trong những hạn chế nổi bật của phát triển du lịch khu vực này là tính thời vụ còn cao. Lượng khách tập trung chủ yếu vào mùa hè (tháng 4-8), chiếm trên 70% tổng lượt khách năm; trong khi các

tháng mùa mưa bão (tháng 9-11) lượng khách giảm sâu, dưới 10% tổng cầu du lịch. Sự phân bố không đồng đều này gây quá tải hạ tầng và dịch vụ vào mùa cao điểm, đồng thời dẫn đến tình trạng dư thừa công suất và lãng phí nguồn lực vào mùa thấp điểm.

Trong bối cảnh yêu cầu phát triển du lịch theo hướng bền vững và nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên, việc nghiên cứu tính thời vụ du lịch, xác định các yếu tố tác động và đề xuất giải pháp hạn chế tính thời vụ có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Tính thời vụ du lịch là sự dao động mang tính

chu kỳ của cung và cầu theo thời gian trong năm. Các nghiên cứu cho thấy, tính thời vụ phản ánh sự mất cân đối tạm thời giữa cung và cầu tại điểm đến và có thể đo lường bằng hệ số biến thiên, tỷ số biên độ. Các nhân tố ảnh hưởng gồm 2 nhóm chính: (1) Nhân tố tự nhiên (khí hậu, lượng mưa, bão lũ); (2) Nhân tố kinh tế - xã hội (lịch nghỉ, thu nhập, hành vi du khách, cơ cấu sản phẩm). Trong quản trị điểm đến hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm và điều tiết cầu thị trường được xem là hướng tiếp cận quan trọng để giảm dao động mùa vụ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp định tính và định lượng. Dữ liệu gồm số liệu thứ cấp giai đoạn 2017-2024 và dữ liệu sơ cấp từ khảo sát 800 mẫu (400 doanh nghiệp du lịch và 400 khách du lịch). Các biến được đo bằng thang Likert 5 mức với 24 biến quan sát thuộc 7 nhóm yếu tố.

Phân tích dữ liệu được thực hiện thông qua thống kê mô tả nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố, và hồi quy tuyến tính đa biến (OLS) để xác định tác động của các biến độc lập (KH - Khí hậu; TNDL - Tài nguyên du lịch; TN - Thu nhập; TGNR - Thời gian nhàn rỗi; PTTQ - Phong tục tập quán; QCH - Quản chúng hóa; TCKT - Tổ chức kỹ thuật) đến tính thời vụ du lịch (TTV). Kết quả mô hình được kiểm định bằng ANOVA, hệ số xác định R², kiểm tra đa cộng tuyến VIF và tự tương quan.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2024

Giai đoạn 2017-2024 phản ánh rõ tính chu kỳ trong phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị, có thể chia thành 3 thời kỳ: tăng trưởng nhanh trước đại dịch (2017-2019), suy giảm sâu do Covid-19 (2020-2021) và phục hồi mạnh mẽ (2022-2024). Diễn biến này cho thấy đặc tính nhạy cảm của ngành du lịch trước các cú sốc bên ngoài, đồng thời thể hiện năng lực thích ứng của điểm đến.

Về nền tảng phát triển, khu vực sở hữu hệ thống tài nguyên nổi bật, đặc biệt là Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng cùng hệ thống hang động và bờ biển dài, tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển du lịch sinh thái, khám phá và nghỉ dưỡng.

- Về quy mô và tốc độ tăng trưởng khách du lịch: Số liệu từ Bảng 1 cho thấy, trước đại dịch, quy mô khách tăng từ 3,3 triệu lượt (2017) lên 5,0 triệu lượt (2019), doanh thu tăng từ 3.700 tỷ đồng lên 5.750 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm 2021 tổng lượt khách giảm xuống còn 569.826 lượt (giảm gần 89% so với 2019), khách quốc tế gần như ngừng trệ. Từ năm 2022, thị trường phục hồi nhanh; đến năm 2024 tổng lượt khách đạt 5.200.586 lượt và doanh thu đạt 5.980,7 tỷ đồng, vượt mức trước dịch, song chủ yếu nhờ thị trường nội địa.

- Về cơ cấu thị trường và đặc điểm tăng trưởng:

Bảng 1. Tổng hợp một số chỉ tiêu phát triển du lịch Khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2024

DVT: Lượt, tỷ đồng, cơ sở

Năm	Tổng lượt khách	Khách quốc tế (lượt)	Khách nội địa (lượt)	Doanh thu (tỷ đồng)	Cơ sở lưu trú
2017	3.300.000	100.000	3.200.000	3.700	297
2018	3.900.000	200.000	3.700.000	4.485	326
2019	5.000.000	250.000	4.750.000	5.750	370
2020	1.850.000	57.000	1.793.000	2.127	390
2021	569.826	5.700	564.126	617	405
2022	2.110.330	33.731	2.076.599	2.300	430
2023	4.510.482	119.582	4.390.900	5.094,3	507
2024	5.200.586	146.661	5.053.925	5.980,7	533

Nguồn: Sở Du lịch Quảng Bình

trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu, khách nội địa chiếm tỷ trọng trên 94%. Cơ cấu này giúp du lịch phục hồi nhanh sau dịch nhưng đồng thời làm gia tăng tính thời vụ, do nhu cầu tập trung chủ yếu vào mùa hè và các kỳ nghỉ lễ. Khách quốc tế chiếm tỷ trọng thấp và phục hồi chậm, cho thấy khả năng khai thác thị trường quốc tế còn hạn chế.

Chỉ tiêu bình quân/khách nhìn chung chưa có sự đột phá, dao động quanh mức hơn 1 triệu đồng/khách. Điều này phản ánh tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng hơn là chiều sâu. Sản phẩm cao cấp, dịch vụ giải trí ban đêm, mua sắm và trải nghiệm bổ trợ còn thiếu, ảnh hưởng đến khả năng kéo dài thời gian lưu trú.

- Về hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: số cơ sở lưu trú tăng từ 297 (2017) lên 533 (2024), tăng gần 80%. Tuy nhiên, cơ cấu cơ sở cao cấp (4-5 sao) còn chiếm tỷ trọng nhỏ; phần lớn là cơ sở nhỏ và vừa, chưa đồng đều về chất lượng dịch vụ. Điều này phần nào lý giải vì sao mức chỉ tiêu bình quân chưa được cải thiện đáng kể. Hệ thống doanh nghiệp lữ hành và dịch vụ bổ trợ tăng về số lượng nhưng chưa hình thành được nhiều sản phẩm đặc thù có khả năng

khai thác ngoài mùa cao điểm.

Kết quả phân tích trên cho thấy, giai đoạn 2017-2024 du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị có sự tăng trưởng nhanh và phục hồi mạnh trước các cú sốc. Tuy nhiên, phát triển còn phụ thuộc lớn vào thị trường nội địa, tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, giá trị gia tăng chưa cao và tính thời vụ vẫn rõ nét. Những đặc điểm này là cơ sở quan trọng để phân tích sâu hơn về mức độ và các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch trong mục tiếp theo.

3.2. Tính thời vụ du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị

3.2.1. Biểu hiện và mức độ tính thời vụ du lịch

Tính thời vụ là đặc điểm nổi bật trong phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị. Với lợi thế nổi bật là Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng cùng hệ thống du lịch biển và hang động, hoạt động du lịch của khu vực phụ thuộc lớn vào điều kiện khí hậu và các hoạt động ngoài trời. Điều này làm hình thành rõ rệt 2 giai đoạn: mùa cao điểm (tháng 4-8) và mùa thấp điểm (tháng 9-3 năm sau).

Phân tích số liệu giai đoạn 2019-2024 cho thấy,

Bảng 2. Phân bố lượng khách du lịch theo mùa (bình quân giai đoạn 2019-2024)

Giai đoạn	Thời gian	Tỷ trọng khách (%)	Đặc điểm
Mùa cao điểm	Tháng 4-8	60-65	Tập trung khách nội địa, khách gia đình, học sinh - sinh viên
Mùa thấp điểm	Tháng 9-3	35-40	Giảm mạnh do mưa bão và kết thúc kỳ nghỉ hè

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát và tính toán của nhóm tác giả, 2024

Bảng 3. So sánh một số chỉ tiêu hoạt động giữa mùa cao điểm và thấp điểm

Chỉ tiêu	Mùa cao điểm	Mùa thấp điểm	Mức chênh lệch
Tỷ trọng doanh thu năm (%)	65-70	30-35	Cao
Công suất sử dụng phòng (%)	70-85	25-40	Rất cao
Nhu cầu lao động	Tăng mạnh (lao động thời vụ)	Giảm sâu	Biến động lớn
Áp lực hạ tầng	Quá tải cục bộ	Dư thừa công suất	Mất cân đối

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát và tính toán của nhóm tác giả, 2024

lượng khách và doanh thu tập trung chủ yếu vào các tháng mùa hè, trong khi các tháng mưa bão ghi nhận mức sụt giảm đáng kể.

Kết quả tổng hợp ở Bảng 2 cho thấy, riêng giai đoạn tháng 6-8 thường chiếm khoảng 40-45% tổng lượng khách cả năm. Biên độ chênh lệch giữa tháng cao nhất và thấp nhất có thể gấp 5-7 lần, phản ánh mức độ tập trung mùa vụ rất cao. Tính thời vụ không chỉ thể hiện qua lượng khách mà còn qua doanh thu và hiệu quả khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật.

Kết quả phân tích tình mùa vụ du lịch ở khu vực này đã gây ra nhiều vấn đề như: (i) hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa tối ưu; (ii) thu nhập lao động thiếu ổn định; (iii) áp lực môi trường trong mùa cao điểm; và (iv) rủi ro tài chính đối với doanh nghiệp du lịch. Như vậy, tính thời vụ đã trở thành một vấn đề mang tính cấu trúc trong phát triển du lịch của khu vực.

3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch

Kết quả khảo sát và phân tích cho thấy tính thời vụ du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị chịu tác động tổng hợp của nhiều nhóm yếu tố, có thể phân thành 5 nhóm chính: tự nhiên; kinh tế - xã hội; tâm lý - hành vi; tổ chức - sản phẩm; và chính sách - quản lý.

Qua Bảng 4 cho thấy, trong các nhóm ảnh hưởng

đến tính thời vụ, yếu tố tự nhiên đóng vai trò nền tảng khách quan và khó thay đổi trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nhóm yếu tố tổ chức - sản phẩm và chính sách - quản lý lại có khả năng điều chỉnh cao nhất. Việc cơ cấu sản phẩm hiện nay còn tập trung vào tài nguyên tự nhiên theo mùa đã làm “cố định hóa” cấu trúc mùa vụ. Bên cạnh đó, đặc điểm thị trường khách chủ yếu là khách nội địa đi theo gia đình và phụ thuộc lịch nghỉ hè đã làm cầu du lịch tập trung mạnh vào mùa cao điểm. Sự tương tác giữa “mùa vụ tự nhiên” và “mùa vụ cầu” tạo nên mức độ dao động lớn trong hoạt động du lịch.

Tổng hợp lại, tính thời vụ du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị là kết quả của sự tác động đồng thời giữa yếu tố khách quan (khí hậu, tài nguyên) và yếu tố chủ quan (cơ cấu sản phẩm, chính sách, hành vi tiêu dùng). Trong đó, các yếu tố có khả năng điều chỉnh cao chính là cơ sở quan trọng để đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hạn chế tính thời vụ và nâng cao hiệu quả phát triển du lịch bền vững trong thời gian tới.

3.2.3. Kết quả phân tích mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch Khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở dữ liệu khảo sát 800 mẫu, nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến (OLS)

Bảng 4. Tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị

Nhóm yếu tố	Nội dung tác động	Mức độ ảnh hưởng	Khả năng điều chỉnh
Tự nhiên	Khí hậu phân hóa mùa mưa - mùa khô; bão lũ; phụ thuộc tài nguyên biển, hàng động vào thời tiết.	Rất mạnh	Thấp
Kinh tế - xã hội	Thời gian nghỉ hè, nghỉ lễ; thu nhập và khả năng chi trả; cơ cấu thị trường khách nội địa chiếm tỷ trọng lớn.	Mạnh	Trung bình
Tâm lý - hành vi	Thói quen du lịch mùa hè; tâm lý e ngại mùa mưa; xu hướng du lịch theo đám đông.	Mạnh	Trung bình - Cao
Tổ chức - sản phẩm	Cơ cấu sản phẩm thiên về du lịch tự nhiên ngoài trời; thiếu sản phẩm trái mùa; hạn chế về dịch vụ MICE, văn hóa, chăm sóc sức khỏe.	Rất mạnh	Cao
Chính sách - quản lý	Xúc tiến tập trung mùa cao điểm; chính sách giá chưa linh hoạt; liên kết vùng chưa hiệu quả.	Khá mạnh	Cao

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát và tính toán của nhóm tác giả, 2024

Bảng 5. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ du lịch

Biến độc lập	Hệ số Beta chuẩn hóa	Sig.	VIF	Mức độ ảnh hưởng
KH (Khí hậu)	0.528	0.000	1.892	Mạnh nhất
TNDL (Tài nguyên DL)	0.461	0.000	2.171	Rất mạnh
TCKT (Tổ chức kỹ thuật)	0.374	0.001	2.675	Mạnh
TN (Thu nhập)	0.268	0.045	2.729	Trung bình
PTTQ (Phong tục tập quán)	0.252	0.000	3.962	Trung bình
QCH (Quần chúng hóa)	0.168	0.030	2.964	Thấp
TGNR (Thời gian nhàn rỗi)	0.13	0.000	2.682	Thấp

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2024

để đánh giá mức độ tác động của các yếu tố đến tính thời vụ du lịch. Kết quả cho thấy, mô hình có ý nghĩa thống kê cao (Sig. = 0.000), với hệ số xác định $R^2 = 0.732$, phản ánh khả năng giải thích 73,2% biến thiên của biến phụ thuộc.

Kết quả cho thấy, tất cả các biến đều có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0.05). Trong đó, khí hậu (Beta = 0.528) là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp đến là tài nguyên du lịch (0.461) và tổ chức kỹ thuật (0.374). Các yếu tố thuộc hành vi và kinh tế như thu nhập, phong tục tập quán và quần chúng hóa có mức ảnh hưởng trung bình đến thấp.

Mô hình không vi phạm các giả định kinh tế lượng cơ bản: không có đa cộng tuyến (VIF < 5), không có tự tương quan (Durbin–Watson = 1.661), và phương sai sai số không đổi (kiểm định Breusch-Pagan và White với p-value > 0.05). Do đó, kết quả ước lượng có độ tin cậy cao.

Kết quả này khẳng định tính thời vụ du lịch chịu tác động tổng hợp của cả yếu tố tự nhiên và yếu tố tổ chức - xã hội, trong đó các yếu tố có khả năng điều chỉnh (TNDL, TCKT, PTTQ) là cơ sở quan trọng để đề xuất giải pháp giảm tính thời vụ.

3.3 Các giải pháp nhằm hạn chế tính thời vụ trong phát triển du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị

Căn cứ kết quả phân tích thực trạng tính thời vụ và kết quả hồi quy cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến tính thời vụ theo mức độ giảm dần gồm: KH

(0.528), TNDL (0.461), TCKT (0.374), TN (0.268), PTTQ (0.252), QCH (0.168), TGNR (0.130), các giải pháp được đề xuất theo hướng ưu tiên theo mức độ tác động và khả năng điều chỉnh như sau:

Giải pháp 1: Phát triển sản phẩm du lịch thích ứng khí hậu

Khí hậu là yếu tố quyết định tính mùa vụ, do đó cần chuyển từ “thích nghi thụ động” sang “chủ động thích ứng”. Vì vậy, cần phải triển các sản phẩm ít phụ thuộc thời tiết: du lịch hang động khô, du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng suối khoáng, không gian trải nghiệm trong nhà. Đồng thời, thiết kế gói sản phẩm từ tháng 9 đến tháng 3 hằng năm với thông điệp “du lịch an toàn - trải nghiệm khác biệt”.

Giải pháp 2: Đa dạng hóa tài nguyên và tái cấu trúc sản phẩm du lịch

Giảm sự phụ thuộc vào tài nguyên tự nhiên theo mùa bằng cách phát triển các sản phẩm bổ trợ như du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp. Đồng thời, xây dựng sản phẩm trải mùa gắn với trải nghiệm địa phương (ẩm thực, lễ hội, làng nghề) nhằm tăng khả năng khai thác quanh năm.

Giải pháp này góp phần đa dạng hóa nguồn cung, giảm tính mùa vụ và phân bổ lại dòng khách theo thời gian.

Giải pháp 3: Nâng cao năng lực tổ chức và điều tiết thị trường

Tăng cường năng lực tổ chức - kỹ thuật thông

qua xây dựng chiến lược marketing theo mùa, ưu tiên kích cầu giai đoạn thấp điểm. Áp dụng chính sách giá linh hoạt (giảm giá, gói combo, voucher trái mùa) gắn với từng phân khúc thị trường; đồng thời nâng cấp hạ tầng và chất lượng dịch vụ nhằm đảm bảo khả năng khai thác quanh năm.

Đây là nhóm giải pháp có tính khả thi cao, tác động trực tiếp đến điều tiết cầu và giảm biên độ dao động mùa vụ trong ngắn hạn.

Giải pháp 4: Điều tiết cầu theo thu nhập và phân khúc thị trường

Thiết kế sản phẩm và chính sách giá linh hoạt theo từng phân khúc (học sinh - sinh viên, người lao động, khách cao tuổi), gắn với mức chi trả và thời điểm du lịch khác nhau. Đồng thời, thúc đẩy các chương trình du lịch trái mùa theo nhóm (công đoàn, trường học, tổ chức xã hội) nhằm tạo cầu ổn định ngoài mùa cao điểm.

Giải pháp này góp phần phân bổ lại nhu cầu theo thời gian, giảm áp lực mùa cao điểm và nâng cao hiệu quả khai thác thị trường.

Giải pháp 5: Khai thác yếu tố văn hóa - lễ hội để kéo dài mùa du lịch

Phát huy vai trò của phong tục, lễ hội như một công cụ điều tiết cầu du lịch bằng cách tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội và hoạt động trải nghiệm bản địa vào mùa thấp điểm. Đồng thời, xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa định kỳ quanh năm, gắn với bản sắc địa phương và lịch sự kiện ổn định.

Giải pháp này góp phần thu hút khách ngoài mùa cao điểm, phân tán dòng khách theo thời gian và nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch.

Giải pháp 6: Tăng cường sự tham gia của cộng đồng

Phát triển du lịch cộng đồng theo hướng chuyên nghiệp, gắn với mô hình homestay và trải nghiệm sinh kế địa phương (nông nghiệp, làng nghề, văn hóa bản địa) có khả năng khai thác quanh năm, ít phụ thuộc vào yếu tố thời tiết. Cần hỗ trợ đào tạo kỹ năng phục vụ, chuẩn hóa chất lượng dịch vụ và tăng cường kết nối thị trường thông qua doanh nghiệp lữ hành và nền tảng số.

Giải pháp này góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tạo sinh kế bền vững cho người dân và duy trì hoạt động du lịch trong mùa thấp điểm.

Giải pháp 7: Điều chỉnh thời gian và hành vi du lịch

Mặc dù nhóm yếu tố thời gian nhân rồi (TGNR) và hành vi du lịch có mức độ tác động thấp trong mô hình hồi quy, song đây là nhóm yếu tố có khả năng điều chỉnh gián tiếp thông qua các công cụ quản lý cầu. Cụ thể, cần khuyến khích doanh nghiệp và người lao động áp dụng cơ chế nghỉ phép linh hoạt, thúc đẩy xu hướng du lịch lệch mùa thông qua các chương trình ưu đãi và chính sách giá phù hợp. Đồng thời, tăng cường truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của du khách về lợi ích của du lịch trái mùa (chi phí thấp hơn, trải nghiệm tốt hơn, giảm quá tải). Việc kết hợp các công cụ kinh tế và truyền thông sẽ góp phần điều tiết hành vi tiêu dùng du lịch, qua đó phân bổ lại dòng khách theo thời gian, giảm áp lực mùa cao điểm và nâng cao hiệu quả khai thác trong mùa thấp điểm.

4. Kết luận

Tính thời vụ là đặc điểm cấu trúc của hoạt động du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị, phản ánh sự tương tác giữa yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội và tổ chức quản trị điểm đến. Nghiên cứu đã làm rõ tính thời vụ là đặc điểm mang tính cấu trúc của du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị, thể hiện qua sự tập trung cao của lượng khách và doanh thu vào mùa hè và suy giảm mạnh trong mùa mưa bão. Trên cơ sở dữ liệu giai đoạn 2017-2024 và khảo sát 800 mẫu, kết quả phân tích định lượng cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} = 0.000$; $R^2 = 0.732$), trong đó các yếu tố khí hậu ($\text{Beta} = 0.528$), tài nguyên du lịch (0.461) và tổ chức kỹ thuật (0.374) có tác động mạnh nhất đến tính thời vụ.

Kết quả nghiên cứu khẳng định tính thời vụ không chỉ xuất phát từ yếu tố tự nhiên mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể của các yếu tố có thể điều chỉnh như tổ chức quản lý, sản phẩm du lịch và hành vi thị trường. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã đề xuất hệ thống giải pháp theo thứ tự ưu tiên tác động, tập trung vào phát triển sản phẩm thích ứng khí hậu, đa dạng hóa tài nguyên, nâng cao năng lực tổ chức và điều tiết cầu theo mùa.

Những phát hiện này góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho nghiên cứu về tính thời vụ du lịch, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định chính sách nhằm hướng tới phát triển du lịch bền vững và giảm thiểu biến động mùa vụ tại địa phương■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Mai Anh Vũ (2020), Nhân tố tác động đến sự hình thành thời vụ trong du lịch, Tạp chí Du lịch Việt Nam.
- Tổng cục Du lịch (2019), Báo cáo phát triển du lịch Việt Nam.
- UBND tỉnh Quảng Bình (2022), Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 22/01/2022 về thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/TU giai đoạn 2021-2025.
- UBND tỉnh Quảng Bình (2023), Kế hoạch số 667/KH-UBND ngày 13/4/2023 về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.
- Baum, T., & Lundtorp, S. (2001), Seasonality in Tourism, Pergamon - Elsevier.
- Butler, R. (2001), Seasonality in Tourism, Tourism Economics.
- Cannas, R. (2012), An overview of tourism seasonality: Key concepts and policies, AlmaTourism, 3(5), 45-58.
- Cisneros-Martínez, J.D., & Fernández-Morales, A. (2015), Cultural tourism as a tourist segment for reducing seasonality, Current Issues in Tourism, 18(8), 765-784.

Ngày nhận bài: 10/01/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/01/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/02/2026

**TOURISM SEASONALITY AND ITS DETERMINANTS:
EVIDENCE FROM THE NORTHERN REGION
OF QUANG TRI PROVINCE**

- **TRAN TU LUC¹**
- **HA MINH TUAN²**
- **HO QUANG²**
- **TRAN XUAN QUANG³**

¹Quang Binh University

²Quang Tri Province Department of Culture, Sports and Tourism

³Nam Ba Don Commune Party Committee, Quang Tri Province

ABSTRACT:

This study investigates the seasonality patterns and key determinants of tourism development in the northern region of Quang Tri Province. Employing a mixed-methods approach, the study integrates secondary data from 2017–2024 with primary data derived from 800 survey responses (400 enterprises and 400 tourists). The findings reveal pronounced seasonal fluctuations, with tourist arrivals peaking in the summer months and declining sharply during the rainy season. The linear regression model demonstrates strong statistical significance (Sig. = 0.000) and substantial explanatory power ($R^2 = 0.732$). Among the determinants, climate exerts the greatest influence ($\beta = 0.528$), followed by tourism resources ($\beta = 0.461$) and technical and organizational capacity ($\beta = 0.374$). These results underscore the structural drivers of tourism seasonality in the region and provide an empirical basis for advancing more balanced and resilient tourism development.

Keywords: tourism seasonality, sustainable tourism development, destination management, seasonal demand regulation, and product diversification.